TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: …/2025/DS-ST
Ngày: 30/6/2025.
V/v: Đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà:* Bà Thị Kim Lài – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2025, về việc: "Đòi lại tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh X – sinh năm 1962, có mặt.

Bà Thị C – sinh năm 1962, có mặt.

Địa chỉ: cùng ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thị H – sinh năm 1946, vắng mặt.

Bà Thị Mỹ H1 – sinh năm 1984, có mặt.

Ông Danh Thiện H2 – sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: cùng ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác Em) – sinh năm 1947, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, bản tự khai và lời trình bày của ông Danh X và bà Thị C như sau:

Nguyên đơn ông Danh X và bà Thị C cùng trình bày:

Vào năm 2015, ông bà có nhờ bà Thị H là chị ruột của Thị C đi cố 04 công đất ruộng cho ông Danh H3, bà Nguyễn Thị M với giá bằng 10 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Tuy nhiên, bà Thị H cố 04 công đất của vợ chồng ông bà cho vợ chồng ông H3, bà M với giá 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 nhưng bà Thị H chỉ giao cho vợ chồng ông bà 10 chỉ vàng 24K, còn lại 08 chỉ vàng 24K bà H giữa lại xài mà không nói cho vợ chồng ông bà biết.

Đến năm 2022, vợ chồng ông bà bán đất cho vợ chồng ông H3, bà M thì bà M trừ vợ chồng ông bà 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Khi đó, vợ chồng ông bà cùng bà M đến nhà bà H để làm rõ sự việc thì tại nhà bà H bà H thừa nhận cố 04 công đất của vợ chồng ông bà cho vợ chồng ông H3, bà mận bằng 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và đã giữ lại 08 chỉ vàng 24K tiêu xài hết, bà H có cam kết trả 08 chỉ vàng này cho vợ chồng ông bà nhưng trả dần 01 năm bằng 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, tờ cam kết ngày 19/5/2022 do cháu ngoại bà H là Danh Nhật H4 con của bà Thị Mỹ H1 viết và bà H1 ký tên. Sau đó, năm 2023 bà Thị H có trả cho vợ chồng ông bà được 8.000.000đồng tương đương 1,5 chỉ vàng 24K; năm 2024 bà Thị H trả được 6.870.000đồng tương đương 01 chỉ vàng 24K, còn lại 5,5 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 cho đến nay không chịu trả cho vợ chồng ông bà.

Ông bà yêu cầu Tòa án buộc bà Thị H và bà Thị Mỹ H1 phải trả cho vợ chồng ông bà số vàng còn nợ bằng 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Lý do kiện yêu cầu bà Thị H và bà Thị Mỹ H1 cùng trả số vàng 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 vì bà H1 cam kết trả vàng cho vợ chồng ông bà.

Bị đơn bà Thị H trình bày tại bản tự khai như sau: Vào năm 1995, vợ chồng Thị C đến nhà năn nỉ bà hỏi nợ giùm 01 cây vàng và mấy năm không hề đóng lãi. Cho đến năm 2022, mới đem vốn trả cho chủ nợ, chủ nợ nói với vợ chồng Thị C là bà lấy một cây tám nên vợ chồng Thị C đã chuẩn bị giấy tay trước mới đến nhà của bà, nói bà là lấy một cây thì trả một cây, phần tám chỉ lại để bà trả và bà mới hỏi vợ chồng sao không đóng lãi, ông X mới trả lời em biết chị hỏi ai mà đóng. Bà mới nói một cây đó ra lãi thành một cây tám, mà hai vợ chồng không chịu cứ nói lấy một cây

thì trả một cây không chịu trả lãi bắt bà phải trả lãi và hai bên lớn tiếng cãi vả, trong khi đó sức khỏe của bà đang yếu nên con bà mới ký giấy mà hai vợ chồng bà C đã chuẩn bị sẵn cho con bà ký vì sợ bà mệt nên con bà mới ký giấy đó cho êm chuyện để cho họ về. Sau đó, con bà đã trả được 2,5 chỉ phần còn lại là bà không đồng ý trả. Nay vợ chồng Thị C nói bà cố đất, trong khi đó bà không có cố đất gì của ai hết, đất của ai người đó làm, chuyện cố đất bà không hề biết.

Bị đơn bà Thị Mỹ H1 trình bày: Vào ngày tháng năm nào bà không nhớ, bà M, ông X, bà C có đến nhà mẹ bà, ông X la lói om xòm, ông X hỏi mẹ bà (bà H) sao hỏi 18 chỉ mà nói 10 chỉ, mẹ bà mới nói hỏi 10 chỉ không đóng lãi nên mới thành ra 18 chỉ, từ trước tới giờ không hề có cố đất giùm bà C cho vợ chồng ông H3, bà M. Năm 1995, mẹ bà có hỏi vàng 10 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 của bà M đưa cho vợ chồng ông X, bà C. Mẹ bà có trả cho vợ chồng ông X, bà H 2,5 chỉ vàng 24K, số vàng còn lại mẹ bà tức không trả vì mẹ bà vay vàng giùm cho vợ chồng ông X, bà C giờ mẹ bà phải trả cho vợ chồng ông X, bà C số vàng lãi này là không phù hợp.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X, bà C, bà không đồng ý trả cho ông X, bà C số vàng 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Bị đơn ông Danh Thiện H2 đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Danh Thiện H2 không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Danh Thiện H2.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M khai: Bà là chị dâu của bà Thị H và bà Thị C. Năm 2015, bà Thị H có đến nhà bà cố 04 công đất (đất của bà Thị C nhờ bà H cố giùm) với giá 18 chỉ vàng 24K. Bà giao cho bà Thị H 18 chỉ vàng 24K, còn đất thì cho bà Thị C thuê lại làm lấy tiền thuê hàng năm. Đến năm 2022, thì vợ chồng bà Thị C bán đất cho bà, bà trừ 18 chỉ vàng 24K (vàng cố đất) khi đó bà C mới biết bà H cố 04 công đất của bà C bằng 18 chỉ vàng 24K. Khi biết việc thì vợ chồng bà C và bà có cùng đi đến nhà bà H để đòi vàng thì bà Thị H có hứa trả cho vợ chồng bà C 08 chỉ vàng 24K. Lúc bà và vợ chồng bà C đến nhà bà H nói chuyện thì cháu ngoại bà H viết tờ cam kết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Danh X và bà Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Thị H phải trả cho vợ chồng ông bà số vàng 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Thị H và bà Thị Mỹ H1 không thống nhất trả vàng theo yêu cầu của ông Danh X và bà Thị C.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ phần yêu cầu do nguyên đơn rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Danh X, bà Thị C với bà Thị H, ông Danh Thiện H2 và bà Thị Mỹ H1 là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Danh Thiện H2 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa 02 lần nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt ông Danh Thiện H2.

Phía nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với ông Danh Thiện H2 và bà Thị Mỹ H1 và không yêu cầu ông Danh Thiện H2 và bà Thị Mỹ H1 phải trả số vàng này, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218 và 219 đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa ông Danh X và bà Thị C với bà Thị H là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Năm 2015, vợ chồng ông Danh X và bà Thị C có nhờ bà Thị H đi cầm cố 04 công đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M với giá 10 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, nhưng bà Thị H cố 04 công đất đó với giá 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và giao lại cho vợ chồng ông Danh X và bà Thị C 10 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Đến năm

2022, khi vợ chồng ông Danh X và bà Thị C chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà M thì mới phát hiện việc bà Thị H đã cố diện tích đất trên với giá 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, hai bên có cùng đến nhà bà Thị H để làm rõ sự việc và bà Thị H thừa nhận đã cố đất của vợ chồng ông Danh X và bà Thị C với giá 18 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 nhưng chỉ giao cho vợ chồng ông Danh X và bà Thị C 10 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 nên đã cam kết trả cho vợ chồng ông Danh X và bà Thị C 08 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, sau đó, phía bà Thị H đã trả cho vợ chồng ông Danh X và bà Thị C 2,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Lời khai của ông Danh X và bà Thị C phù hợp với lời khai của người làm chứng. Theo quy định tại Điều 164 thì "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản". Như vậy, việc ông Danh X và bà Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Thị H phải trả lại 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 là có căn cứ chấp nhận.

Bà Thị H và bà Thị Mỹ H1 cho rằng không có việc cố đất giùm vợ chồng ông X, bà C mà 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 mà ông Danh X và bà Thị C kiện là vàng lãi do bà Thị H vay của bà M vào năm 1995 là không có căn cứ vì bà Thị H và bà Thị Mỹ H1 cho rằng đó là vàng lãi thì không có lý do gì lại viết và ký cam kết trả 08 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 cho vợ chồng ông X, bà C. Hơn nữa, thực tế đã thực hiện nghĩa vụ trả cho ông X, bà C được 2,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Bà H1 cho rằng bà ký cam kết là do sợ mẹ bà mệt, xỉu là chưa thỏa đáng vì bản thân bà đã trên 18 tuổi đủ khả năng nhận thức hậu quả việc làm của mình. Mặt khác, lời khai của bà Thị H5 và bà Thị Mỹ H1 chưa phù hợp với lời khai của các đương sự khác, người làm chứng và cũng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho sự việc trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn. Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Thị H phải trả số 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 cho nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu do ông Danh X và bà Thị C rút yêu cầu đối với ông Danh Thiện H2 và bà Thị Mỹ H1, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giá vàng 24K loại vàng 9999 của tiệm V tại thời điểm xét xử bằng .....đồng là cơ sở tính án phí.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Thị H phải nộp 2.000.000đồng (5 chỉ vàng x 10.000.000đồng x 5%). Tuy nhiên, bà Thị H có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật và bà Thị H là người cao tuổi nên bà Thị H là đối tượng được miễn án phí. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Thị H được miễn nộp phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bà Thị H phải nộp là 1.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 164 và 166 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh X và bà Thị C.

Xử: Buộc bà Thị H phải trả cho ông Danh X và bà Thị C 5,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Đình chỉ yêu cầu của ông Danh X và bà Thị C đối với ông Danh Thiện H2 và bà Thị Mỹ H1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Thị H được miễn nộp án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang